

PHỤ LỤC DỰ TOÁN :

**Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và cập nhật kế hoạch quản lý môi trường dự án thành phần:
Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) tỉnh Quảng Trị**

(Kèm theo quyết định số: 255 /QĐ-SNN ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

TT	Nội dung thực hiện	Thành tiền	Ghi chú
	CHI PHÍ LẬP BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG		
A	Chi phí trực tiếp	165,261,384	
I	Chi phí nhân công điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, dữ liệu	3,188,000	
II	Chi phí phân tích, đo đạc	118,368,000	
III	Chi phí xây dựng báo cáo tổng hợp từng nhiệm vụ, dự án	31,000,000	
IV	Thẩm định đề cương, tham vấn cộng đồng	12,250,000	
V	Biên tập, xây dựng bản đồ	455,384	
B	Chi phí quản lý chung (A-II)*15%	7,034,000	
C	Chi khác	7,500,000	
D	Tổng cộng chi phí trước thuế (A+B+C)	179,795,384	
E	Thuế VAT 10%	17,276,000	
F	Phí thẩm định báo cáo ĐTM	12,000,000	
G	Tổng dự toán (làm tròn)	209,071,000	
	CHI PHÍ LẬP KẾ HOẠCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG		
A	Chi phí trực tiếp	16,000,000	
I	Chi phí xây dựng báo cáo tổng hợp từng nhiệm vụ, dự án	16,000,000	
B	Chi phí quản lý chung A*15%	2,400,000	
C	Chi khác	18,900,000	
D	Tổng cộng chi phí trước thuế (A+B+C)	37,300,000	
E	Thuế VAT 10%	3,490,000	
F	Tổng cộng	40,790,000	
	Tổng giá trị gói thầu	249,861,000	

Bảng chữ: Hai trăm bốn mươi chín triệu, tám trăm sáu mươi một ngàn đồng chẵn.

PHỤ LỤC: DỰ TOÁN CHI TIẾT

**Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và cập nhật kế hoạch quản lý môi trường dự án thành phần:
Cải thiện nông nghiệp có tuổi (WB7) tỉnh Quảng Trị**

(Kèm theo quyết định số: 255 /QĐ-SNN ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

TT	Nội dung thực hiện	ĐVT	SL	Đợt	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
CHI PHÍ LẬP BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG							
A	Chi phí trực tiếp					165,261,384	
I	Chi phí nhân công điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, dữ liệu					3,188,000	Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017
1.1	Khảo sát, điều tra, thu thập tài liệu về địa chất, địa hình vùng thực hiện dự án	Công	2	1	227,692	455,384	
1.2	Khảo sát, điều tra, thu thập tài liệu, thông tin về điều kiện khí hậu, khí tượng vùng thực hiện dự án	Công	2	1	227,692	455,384	
1.3	Khảo sát, điều tra, thu thập tài liệu, thông tin về điều kiện thủy văn vùng thực hiện dự án	Công	2	1	227,692	455,384	
1.4	Khảo sát, điều tra, thu thập tài liệu, thông tin về hiện trạng đa dạng sinh học, tài nguyên sinh vật, cảnh quan vùng thực hiện dự án	Công	2	1	227,692	455,384	
1.5	Khảo sát, điều tra, thu thập tài liệu, thông tin về hiện trạng môi trường vùng thực hiện dự án	Công	2	1	227,692	455,384	
1.6	Khảo sát, điều tra, thu thập thông tin về hiện trạng cơ sở hạ tầng vùng thực hiện dự án	Công	2	1	227,692	455,384	
1.7	Khảo sát, điều tra, thu thập thông tin hoạt động sản xuất, đời sống của người dân vùng thực hiện dự án; Điều tra tham vấn ý kiến cộng đồng	Công	2	1	227,692	455,384	
II	Chi phí phân tích, đo đạc					118,368,000	
I	Môi trường không khí					36,384,000	QĐ 2841/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị
1.1	Nhiệt độ, độ ẩm	Mẫu	8	3	49,000	1,176,000	
1.2	Vận tốc gió	Mẫu	8	3	49,000	1,176,000	
1.3	Bụi	Mẫu	8	3	179,000	4,296,000	
1.4	SO ₂	Mẫu	8	3	479,000	11,496,000	
1.5	NO ₂	Mẫu	8	3	414,000	9,936,000	
1.6	CO	Mẫu	8	3	346,000	8,304,000	
2	Tiếng ồn					3,528,000	
2.1	Tiếng ồn	Mẫu	8	3	147,000	3,528,000	
3	Môi trường nước mặt					78,456,000	
3.1	pH	Mẫu	7	3	94,000	1,974,000	QĐ 2841/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị
3.2	BOD ₅	Mẫu	7	3	208,000	4,368,000	
3.3	COD	Mẫu	7	3	263,000	5,523,000	
3.4	oxy hòa tan (DO)	Mẫu	7	3	107,000	2,247,000	
3.5	tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	Mẫu	7	3	191,000	4,011,000	
3.6	amonit (tính theo N)	Mẫu	7	3	265,000	5,565,000	
3.7	nitrat (tính theo N)	Mẫu	7	3	272,000	5,712,000	
3.8	Fe	Mẫu	7	3	548,000	11,508,000	
3.9	Tổng dầu mỡ	Mẫu	7	3	834,000	17,514,000	
3.1	coliform	Mẫu	7	3	954,000	20,034,000	
III	Chi phí xây dựng báo cáo tổng hợp từng nhiệm vụ, dự án					31,000,000	
I	Xây dựng báo cáo tổng hợp nhiệm vụ					21,000,000	

TT	Nội dung thực hiện	ĐVT	SL	Đợt	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1.1	Đánh giá, dự báo các tác động đến môi trường do bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng công trình và đề xuất biện pháp giảm thiểu	báo cáo	1	1	3,000,000	3,000,000	Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017
1.2	Đánh giá, dự báo các tác động đến môi trường do nước thải (sinh hoạt, xây dựng) phát sinh, nước mưa chảy tràn trong giai đoạn thi công xây dựng công trình và đề xuất biện pháp giảm thiểu	báo cáo	1	1	3,000,000	3,000,000	
1.3	Đánh giá, dự báo các tác động đến môi trường do chất thải rắn (đất phong hóa, bùn đất, xà bần,...), chất thải nguy hại, đất đá phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng công trình và đề xuất biện pháp giảm thiểu	báo cáo	1	1	3,000,000	3,000,000	
1.4	Đánh giá, dự báo các tác động đến cơ sở hạ tầng (đường giao thông, cầu cống, các công trình khác), hoạt động giao thông khu vực trong giai đoạn thi công xây dựng công trình và đề xuất biện pháp giảm thiểu	báo cáo	1	1	3,000,000	3,000,000	
1.5	Đánh giá, dự báo các tác động đến hệ sinh thái (dưới nước, trên cạn), cảnh quan của khu vực trong giai đoạn thi công xây dựng công trình và đề xuất biện pháp giảm thiểu	báo cáo	1	1	3,000,000	3,000,000	
1.6	Đánh giá, dự báo các tác động đến hoạt động sản xuất, đời sống của người dân khu vực trong giai đoạn thi công xây dựng công trình và đề xuất biện pháp giảm thiểu	báo cáo	1	1	3,000,000	3,000,000	
1.7	Đánh giá các tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành; Xây dựng chương trình quản lý và giám sát môi trường	báo cáo	1	1	3,000,000	3,000,000	
2	Xây dựng báo cáo tổng hợp dự án	Báo cáo	1	1	10,000,000	10,000,000	
IV	Thẩm định đề cương, tham vấn cộng đồng					12,250,000	
4.1	Thẩm định đề cương					1,400,000	Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017
-	Chủ trì	người	1	1	500,000	500,000	
-	Thư ký	người	1	1	300,000	300,000	
-	Thành viên	người	2	1	300,000	600,000	
4.2	Tham vấn cộng đồng (UBND 7 xã; các tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp và cộng đồng dân cư)					10,850,000	
-	Chủ trì	người	7	1	500,000	3,500,000	
-	Thư ký	người	7	1	300,000	2,100,000	
-	Các tổ chức, người dân (trung bình 5 người/xã * 7 xã = 35 người)	người	35	1	150,000	5,250,000	
V	Biên tập, xây dựng bản đồ					455,384	
5.1	Bản đồ vị trí lấy mẫu đánh giá chất lượng môi trường	công	1	1	227,692	227,692	Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017
5.2	Bản đồ vị trí giám sát môi trường chất lượng môi trường	công	1	1	227,692	227,692	
B	Chi phí quản lý chung (A-II)*15%					7,034,000	
C	Chi khác					7,500,000	
1	Thuê xe điều tra, khảo sát (02 ngày/hệ thống * 2 hệ thống = 4 ngày)	ngày	4	1	900,000	3,600,000	Chi phí thực tế
2	Chi phí photo, in ấn	cuốn	10	2	195,000	3,900,000	
D	Tổng cộng chi phí trước thuế (A+B+C)					179,795,384	
E	Thuế VAT 10%					17,276,000	
F	Phí thẩm định báo cáo ĐTM					12,000,000	

TT	Nội dung thực hiện	ĐVT	SL	Đợt	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
-	Phí thẩm định báo cáo ĐTM	Báo cáo	1	1	12,000,000	12,000,000	Đơn giá theo QĐ số 53/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2017
G	Tổng dự toán (làm tròn)					209,071,000	
CHI PHÍ LẬP KẾ HOẠCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG							
A	Chi phí trực tiếp					16,000,000	
I	Chi phí xây dựng báo cáo tổng hợp từng nhiệm vụ, dự án					16,000,000	
1	Xây dựng báo cáo tổng hợp nhiệm vụ					6,000,000	
1.1	Xây dựng kế hoạch Giám sát tại văn phòng, sự tuân thủ chính sách an toàn của nhà thầu; hiệu quả của biện pháp giảm thiểu tại hiện trường và kế hoạch giám sát chất lượng môi trường	báo cáo	1	1	3,000,000	3,000,000	
1.2	Xây dựng và đánh giá vai trò và trách nhiệm của các bên liên quan trong quá trình thi công và vận hành dự án	báo cáo	1	1	3,000,000	3,000,000	
2	Xây dựng và cập nhật kế hoạch quản lý môi trường	Báo cáo	1	1	10,000,000	10,000,000	
B	Chi phí quản lý chung A*15%					2,400,000	
C	Chi khác					18,900,000	
	Dịch tài liệu tiếng Anh (Kế hoạch quản lý môi trường)	Trang	100	1	150,000	15,000,000	Chi phí thực tế
	Chi phí photo, in ấn Kế hoạch Quản lý môi trường (Tiếng Việt và Tiếng Anh)	Cuốn	10	2	195,000	3,900,000	
D	Tổng cộng chi phí trước thuế (A+B+C)					37,300,000	
E	Thuế VAT 10%					3,490,000	
F	Tổng cộng					40,790,000	
Tổng giá trị gói thầu						249,861,000	

Bảng chữ: Hai trăm bốn mươi chín triệu, tám trăm sáu mươi một ngàn đồng chẵn.